

Số: *16* /NQ-HĐND

Đại Sơn, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương
năm 2025 xã Đại Sơn sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐẠI SƠN
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã Đại Sơn sau sắp xếp;

Theo đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 46/Tr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã Đại Sơn sau sắp xếp; Báo cáo số 328/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của UBND xã điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã Đại Sơn sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã Đại Sơn sau sắp xếp, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng, giảm dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2025.

Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách xã năm 2025: 4.469 triệu đồng, do ngân sách thành phố Hải Phòng bổ sung cân đối cho ngân sách xã.

2. Điều chỉnh tăng, giảm dự toán chi ngân sách xã năm 2025

- Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách xã năm 2025: 5.811 triệu đồng, do ngân sách thành phố điều chỉnh dự toán chi cho giáo dục và số dự phòng cho ngân sách xã.

- Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách xã năm 2025: 1.288 triệu đồng do điều chỉnh phương án tài chính của cấp xã về cấp xã sau khi sắp xếp.

3. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa và thu ngân sách địa phương năm 2025 sau điều chỉnh

3.1. Tổng thu ngân sách nhà nước sau điều chỉnh: 126.623 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 16.165 triệu đồng.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 110.458 triệu đồng.

3.2. Dự toán thu ngân sách địa phương sau điều chỉnh: 115.039 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách xã được hưởng: 4.581 triệu đồng.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 110.458 triệu đồng.

4. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau điều chỉnh:

Dự toán chi ngân sách địa phương sau điều chỉnh: 115.039 triệu đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 2.000 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 110.664 triệu đồng
- Chi dự phòng: 2.375 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 01,02,03,04 kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

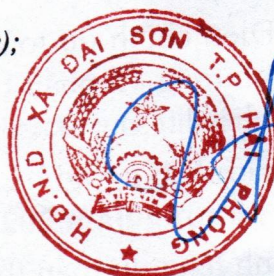
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Đại Sơn khoá II, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

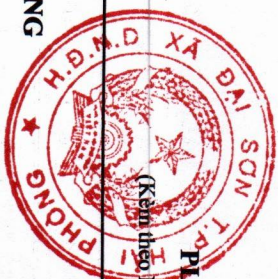
Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND thành phố (để b/c);
- Văn phòng Đoàn đại biểu QH&HĐND thành phố (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT. UBND xã;
- Thường trực UBMTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Ngọc Ánh



PL01: DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Đại Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Số điều chỉnh tăng		Số điều chỉnh giảm		Số sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2							3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	122.154	110.570	-	4.469	-	-	126.623	115.039	
I	Thu nội địa	16.165	4.581	-	-	-	-	16.165	4.581	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý									
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý									
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài									
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	925	740					925	740	
5	Thuế thu nhập cá nhân	496	397					496	397	
6	Thuế bảo vệ môi trường									
7	Lệ phí trước bạ	395	395					395	395	
8	Thu phí, lệ phí	105	105					105	105	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	482	482					482	482	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước									
12	Thu tiền sử dụng đất	13.300	2.000					13.300	2.000	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước									
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)									
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản									
16	Thu khác ngân sách	40	40					40	40	

**PL02: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025**(Kèm theo Nghị quyết số **16**/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Đại Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ					
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	110.515	5.811	1.343	115.039	0
	Trong đó:					
I	Chi đầu tư phát triển	2.000			2.000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.000			2.000	
	Trong đó:					
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.000			2.000	
1.2	Chi khoa học và công nghệ					
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình					
1.4	Chi văn hóa thông tin					
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
1.6	Chi thể dục thể thao					
1.7	Chi bảo vệ môi trường					
1.8	Chi các hoạt động kinh tế					
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng,					
1.10	Chi bảo đảm xã hội					
2	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	107.776	4.175	1.288	110.664	
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	71.634	4.175		75.809	
	Trong đó chi SN giáo dục	828	4.175		5.003	
2	Chi khoa học và công nghệ				-	
3	An ninh	1.468		28	1.440	
4	Quốc phòng	812		76	736	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	177			177	
6	Chi văn hóa thông tin	251			251	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	378		133	245	
8	Chi thể dục thể thao	217			217	
9	Chi bảo vệ môi trường	112			112	
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.365		280	1.085	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.291		771	22.520	
	Trong đó tiền khen thưởng				-	
12	Chi bảo đảm xã hội	8.071			8.071	
13	Chi khác				-	
III	Dự phòng ngân sách	739	1.636		2.375	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				-	
V	Tiết kiệm chi theo NQ 73	55		55	-	
B	Chi viện trợ				-	
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu				-	



PL03: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ ĐẠI SƠN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **16** /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Đại Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	110.570	15.043	0	115.039	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	4.581	10.574		4.581	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	567	4.469		567	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	4.014	-		4.014	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.989	4.469	0	110.458	
-	Thu bổ sung cân đối	105.989	4.469		110.458	
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	110.570	1.636	55	114.984	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	110.515	1.636	0	114.984	
1	Chi đầu tư phát triển	2.000			2.000	
2	Chi thường xuyên	107.776			110.609	
3	Dự phòng ngân sách	739	1.636		2.375	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi viện trợ					
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu					
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
V	Tiết kiệm chi theo NQ 73	55		55	-	

PL04: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Đại Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng



TRONG ĐÓ															
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	THƯỜNG THEO ND 73	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC		
A	B	1	2	4	5	6	7	8	9	10 = 11+12+	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	115.039	74.281	3.528	177	251	245	217	112	1.085	593	342	150	24.697	8.071
I	Chi đầu tư	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0
1	Chi đầu tư phát triển	2.000	2.000												
II	Chi thường xuyên	110.664	72.281	3.528	177	251	245	217	112	1.085	593	342	150	24.697	8.071
1	Văn phòng Đảng ủy xã	4.580												4.580	
	VP đảng ủy	3.164												3.164	
	Ban xây dựng Đảng	831												831	
	Ủy ban kiểm tra Đảng	585												585	
2	Văn phòng HĐND và UBND xã	13.566												13.566	
-	Trong đó: Hội đồng nhân dân	1.108												1.108	
3	Phòng Kinh tế	2.118							112	1.085	593	342	150	921	
4	Phòng Văn hóa-Xã hội	8.816			177	251								317	8.071
5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN xã	2.038												2.038	
Trong đó chi hoạt động															
	UBMTQ xã	151												151	
	Đoàn Thanh niên	114												114	
	Hội phụ nữ	30												30	
	Hội cựu chiến binh	31												31	
	Hội nông dân	40												40	
6	An ninh, Quốc phòng	2.176												2.176	
-	An ninh	1.155												1.155	



TRONG ĐÓ															
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	THƯỜNG THEO NB 73	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC		
-	Quốc phòng	1.021											1.021		
7	Trung tâm phục vụ hành chính công	900											900		
8	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	661					245	217						199	
9	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	75.809	72.281	3.528	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0
9.1	Khối Mầm non	23.693,757	22.484,757	1.209,000											
-	Mn Bình Lăng	5.430,504	5.166,504	264,000											
-	MN Đại Sơn	9.649,491	9.143,491	506,000											
-	MN Hưng Đạo	8.613,762	8.174,762	439,000											
9.2	Khối Tiểu học	29.371,017	28.044,017	1.327,000											
-	TH Bình Lăng	5.048,677	4.836,677	212,000											
-	TH Đại Đồng	7.264,208	6.897,208	367,000											
-	TH Hưng Đạo	12.338,660	11.804,660	534,000											
-	TH Kỳ Sơn	4.719,472	4.505,472	214,000											
9.3	Khối THCS	21.269,566	20.277,566	992,000											
-	THCS Bình Lăng	4.292,951	4.099,951	193,000											
-	THCS Đại Sơn	8.722,486	8.326,486	396,000											
-	THCS Hưng Đạo	8.254,129	7.851,129	403,000											
9.4	Chi SN GD	1.475,000	1.475,000	0,000											
III	Dự phòng ngân sách xã	2.375													

